

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2016 đạt 264.424 triệu đồng, tăng 22,8% so với năm 2015 và đạt 101,7% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 20.391 triệu đồng, tăng 57,7% so với năm 2015 và đạt 127,4% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2016 đạt 8%, tăng 28% so với năm 2015; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2016 đạt 15%, tăng 39% so với năm 2015.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2016, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 16.294 triệu đồng.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2016, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2016 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	56.800	56.800	100%
Doanh thu thuần	260.000	264.424	101,7%
Lợi nhuận sau thuế	16.000	20.391	127,4%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,1%	7,7%	128%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	175.570	66,4%
Bán bao tiêu	88.853	33,6%
Tổng	264.424	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016 của CTCP Nam Dược

2. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Lần

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	So sánh 2016/2015
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,90	3,44	1,14
Hệ số thanh toán nhanh	2,31	1,04	2,24
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,26	0,29	0,88

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 là 3,90 tăng 1,14 lần so với năm 2015 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2016 là 0,26 giảm 0,12 lần so với năm 2015 thể hiện năng lực về tài chính của Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được (Như đã tổng kết và phân tích phần 1)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2016, Nam Dược về cơ bản không có biến động về cơ cấu tổ chức so với năm 2015;

Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu (BSC) trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc (KPI); Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp.

1. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.

2. Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;

3. Sau giai đoạn ổn định và phục hồi bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược dẫn đầu;

4. Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (Cổ đông - Đối tác bao tiêu - Cán bộ công nhân viên). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2017 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

IV. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)-

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: Thống nhất với ý kiến của Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:* Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2016.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:* Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

VI. Quản trị công ty :

1. Hội đồng quản trị

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Chức danh trong điều hành tại công ty
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Thành viên độc lập
3	Hoàng Minh Châu	Thành viên	189500	Tổng giám đốc
4	Lê Văn Sản	Thành viên	16000	Phó Tổng Giám đốc
5	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Thành viên độc lập

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Số lượng và nội dung các buổi họp:

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 2	1. Báo cáo sơ bộ kế hoạch KD năm 2015 và kế hoạch KD 2016. 2. Phê duyệt phương án khoán chi phí cho từng đơn vị
2	Tháng 4	1. Phương án tổ chức đại hội cổ đông
3	Tháng 5	1. Triển khai nghị quyết đại hội cổ đông 2. Phân công chức năng nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ V
4	Tháng 7	1. Trang bị một số tài sản cố định phục vụ SXKD
5	Tháng 8	1. Thông qua kế hoạch kinh doanh 6 tháng đầu năm, triển khai kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm.
6	Tháng 9	3. Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm, kế hoạch kinh doanh quý 4/2016
7	Tháng 12	1. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2017

2. Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1	01A/2016/NQ-HĐQT	4/2/2016	Ban hành quy chế lương Công ty
2	01B/2016/NQ-HĐQT	4/2/2016	Phê duyệt phương án khoán chi phí cho từng đơn vị
3	01C/2016/NQ-HĐQT	4/2/2016	Đảm bảo nguồn lực tài chính, phê duyệt phương án kinh doanh công ty TNHH Nam Dược
4	02A/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Thông qua các nội dung dự kiến tại ĐHCD thường niên 2016
5	02B/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Thành lập Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016
6	02C/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Thông qua các đề xuất cho hoạt động của nhà máy sản xuất
7	02D/2016/NQ-HĐQT	12/04/2016	Trang bị phương tiện đi lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị
8	03A/2016/NQ-HĐQT	27/04/2016	Về việc chia trả cổ tức năm 2015
9	03B/2016/NQ-HĐQT	27/04/2016	Chuyển lợi nhuận chưa phân phối từ công ty TNHH Nam Dược cho công ty Cổ phần Nam Dược
10	04A/2016/NQ-HĐQT	26/05/2016	Phân công chức năng nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V (2016 - 2018)
11	04B/2016/NQ-HĐQT	26/05/2016	Triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 về việc lập quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động trong hệ thống công ty
12	05A/2016/NQ-HĐQT	20/07/2016	Trang bị tài sản cố định tại Công ty TNHH Nam Dược
13	05B/2016/NQ-HĐQT	20/07/2016	Trang bị tài sản cố định tại Công ty Cổ phần Nam Dược
14	06A/2016/NQ-HĐQT	25/09/2016	Thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016
15	08A/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Thông qua kế hoạch kinh doanh tự doanh 2017
16	08B/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Lựa chọn mua đất để xây văn phòng tại Hà Nội
17	08C/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương 2016
18	08D/2016/NQ-HĐQT	16/12/2016	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2016

-Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

3. Ban Kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	21500	0,38
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	40690	0,72
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	28000	0,49

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Tháng 7	Kiểm soát các hoạt động 6 tháng đầu năm; báo cáo kết quả giám sát hoạt động 6 tháng đầu năm
2	Tháng 12	Kiểm soát hoạt động năm 2016; báo cáo hoạt động năm 2016

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2016 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát không nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VII. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp,

lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam - Công ty con của Công ty không thực hiện kiểm kê tiền mặt với số dư trên sổ kế toán là 6.916.763.720 VND. Với các tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục này tại thời điểm trên. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty;
- Trên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Công ty đang ghi nhận tăng một phần lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho các năm trước đã bán hết đến ngày 31/12/2016 và ghi giảm một khoản liên quan đến hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tương ứng với số tiền lần lượt là 9 tỷ đồng và 1,13 tỷ đồng. Điều này dẫn đến chỉ tiêu Giá vốn hàng bán năm 2015 bị ghi nhận thiếu và năm 2016 bị ghi nhận thừa với cùng một số tiền là 9 tỷ đồng; chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN tại 31/12/2015 bị ghi nhận thừa và tại 31/12/2016 bị ghi nhận thiếu với cùng số tiền là 7,87 tỷ đồng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau: Các giao dịch với các bên liên quan trong năm chưa được phê duyệt theo đúng thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng (chỉ tiết Thuyết minh số 06, 37).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán An Việt. Kiểm

toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về việc không khẳng định được tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt tại ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam với số tiền 4.427.671.186 VND và khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006 nhưng đang được trình bày theo giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất cũng như chưa đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư này. Vấn đề về tính hiện hữu của số dư tiền mặt tại Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam tiếp tục ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay còn việc chưa dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược không ảnh hưởng trọng yếu.

2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2016)	Số đầu năm (01/01/2016)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139,084,399,002	122,362,949,637
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23,565,994,010	19,205,166,678
1. Tiền	111		20,565,994,010	19,205,166,678
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		35,000,000,000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		35,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21,921,035,612	16,916,841,682
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		3,970,595,159	2,997,530,719
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17,387,904,400	10,715,575,595
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	3,100,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		562,536,053	103,735,368
IV. Hàng tồn kho	140		56,754,716,412	85,537,749,841
1. Hàng tồn kho	141		56,754,716,412	85,537,749,841
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,842,652,968	703,191,436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		486,583,902	352,383,498
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34,463,900	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,321,605,166	350,807,938
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		35,096,863,275	35,554,476,158
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		445,621,000	445,621,000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		292,621,000	292,621,000
2. Phải thu dài hạn khác	216		153,000,000	153,000,000
II. Tài sản cố định	220		30,648,982,846	31,458,957,046
1. Tài sản cố định hữu hình	221		30,648,982,846	31,378,814,258
- Nguyên giá	222		106,315,587,615	101,541,842,381
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75,666,604,769)	(70,163,028,123)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	80,142,788
- Nguyên giá	228		801,428,129	801,428,129
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(801,428,129)	(721,285,341)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,639,813,341	218,860,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1,639,813,341	218,860,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		255,000,000	255,000,000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		255,000,000	255,000,000

VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,107,446,088	3,176,038,112
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,902,170,128	1,894,481,517
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		205,275,960	1,281,556,595
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		174,181,262,277	157,917,425,795
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35,642,562,932	35,633,793,616
I. Nợ ngắn hạn	310		35,642,562,932	35,633,793,616
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		10,065,563,227	3,668,160,205
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		385,632,919	84,432,131
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		995,515,894	2,353,144,158
4. Phải trả người lao động	314		12,320,564,253	7,777,431,584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		212,174,818	406,059,768
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1,465,008,194	1,316,412,221
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		10,000,000,000	19,728,833,413
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		198,103,627	299,320,136
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		138,538,699,345	122,283,632,179
I. Vốn chủ sở hữu	410		138,538,699,345	122,283,632,179
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56,800,000,000	56,800,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56,800,000,000	56,800,000,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81,738,699,345	65,483,632,179
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		61,347,020,358	52,551,395,777
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20,391,678,987	12,932,236,402
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		174,181,262,277	157,917,425,795

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay (2016)	Năm trước (2015)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		264,796,238,058	215,741,664,082
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		371,689,469	432,108,009
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		264,424,548,589	215,309,556,073
4. Giá vốn hàng bán	11		140,541,346,595	97,771,089,343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		123,883,201,994	117,538,466,730
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		689,555,369	47,017,172
7. Chi phí tài chính	22		212,584,892	1,655,281,344
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		211,934,892	1,650,692,003
9. Chi phí bán hàng	25		72,161,478,549	72,986,862,516
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		30,628,614,089	28,379,911,500
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		21,570,079,833	14,563,428,542
12. Thu nhập khác	31		18,487,918	790,840,649

13. Chi phí khác	32		18,219,081	129,743,950
14. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		268,837	661,096,699
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		21,570,348,670	15,224,525,241
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,232,389,048	1,176,763,115
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(53,719,365)	1,115,525,724
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		20,391,678,987	12,932,236,402
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		3,590	2,277

BẢNG LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (LCGT) NĂM 2016

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay (2016)	Năm trước (2016)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21,570,348,670	15,224,525,241
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5,968,648,099	6,008,588,542
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(497,588)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(703,191,733)	(227,017,172)
- Chi phí lãi vay	06		211,934,892	1,650,692,003
- Các khoản điều chỉnh khác	07		9,088,000,000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn hữu động	08		36,047,739,928	22,656,283,034
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,841,194,388	2,755,754,784
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28,783,033,429	(3,153,840,590)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		9,991,342,395	(15,583,189,214)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(141,889,015)	2,243,116,729
- Tiền lãi vay đã trả	14		(232,982,872)	(1,620,269,023)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,876,763,115)	(3,600,199,586)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1,270,362,161
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(747,828,330)	(1,842,124,238)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73,663,846,808	3,125,894,057
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16,579,627,240)	(386,990,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13,636,364	180,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35,000,000,000)	(3,100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,100,000,000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		257,324,813	47,017,172

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48,208,666,063)	(3,259,973,737)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		10,000,000,000	65,486,382,226
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19,728,833,413)	(54,003,900,201)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11,365,520,000)	(11,015,040,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21,094,353,413)	469,442,025
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4,360,827,332	335,362,345
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19,205,166,678	18,869,306,753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			497,580
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23,565,994,010	19,205,166,678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016

bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
Công ty TNHH Nam Dược Phương Nam	Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY